

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9 HKI NĂM HỌC 2025 – 2026.

Câu 1: Trình bày vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Diện tích hơn 116.898 km², chiếm 35,3% cả nước (2025)
- Có 9 tỉnh chia 2 khu vực: khu vực Đông Bắc và Tây Bắc
- Tiếp giáp với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ. Tiếp giáp nước Trung Quốc, Lào, có nhiều cửa khẩu quốc tế quan trọng.

=> Thuận lợi trong việc thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với các vùng khác trong cả nước, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng an ninh.

Câu 2: Trình bày sự phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc

| Thiên nhiên | Đông Bắc | Tây Bắc |
|-------------------|---|---|
| Địa hình | Núi trung bình và thấp; trung du có đồi bát úp, có địa hình các-xtơ phổ biến. | Núi cao, địa hình chia cắt và hiểm trở; xen kẽ là các cao nguyên. |
| Khí hậu | Có mùa đông lạnh nhất nước ta. | Có mùa đông lạnh, có sự phân hoá theo độ cao rõ rệt, đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây khô nóng. |
| Thủy văn | Sông ngòi dày đặc, có giá trị về giao thông và thủy lợi. | Sông ngòi có độ dốc lớn, lưu lượng nước dồi dào, có tiềm năng về thủy điện. |
| Khoáng sản | Phong phú chủng loại, bao gồm a-pa-tít, sắt, chì - kẽm, đá vôi, than,... | Ít chủng loại hơn nhưng trữ lượng lớn như: đất hiếm, đồng,... |
| Sinh vật | Phong phú, gồm sinh vật nhiệt đới và cận nhiệt đới. | Sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới núi cao. |

Câu 3 : Trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Trung du và miền núi phía Bắc

a. Thành phần dân tộc

Số dân 13, 3 triệu người, chiếm 13,2% số dân cả nước(2025)

- Thành phần dân tộc đa dạng. Dân tộc thiểu số chiếm hơn 50% tổng số dân toàn vùng.
- Địa bàn cư trú của các dân tộc đã có sự thay đổi đan xen nhưng vẫn có khu vực cư trú đặc trưng.
- Văn hóa, phong tục tập quán đa dạng. Người dân có nhiều kinh nghiệm canh tác trên đất dốc.

b. Phân bố dân cư

- Mật độ dân số toàn vùng thấp hơn so với trung bình cả nước.
- Phân bố dân cư không đều:
 - + Khu vực Đông Bắc dân cư đông đúc hơn Tây Bắc.
 - + Các tỉnh khu vực trung du đông đúc hơn các tỉnh khu vực miền núi.
 - + Dân cư sinh sống chủ yếu ở nông thôn.

c. Chất lượng cuộc sống

- Đời sống của người dân được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người tăng, tỉ lệ hộ nghèo giảm, tuổi thọ trung bình tăng lên.

Câu 4: Phân tích vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng.

- Đô thị được hình thành từ rất sớm. Từ khi thực hiện Đổi mới đất nước, tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. Tỉ lệ dân thành thị tăng và cao hơn trung bình cả nước. Có mạng lưới đô thị dày đặc, quy mô đô thị mở rộng; có Hà Nội là đô thị đặc biệt.
- Xu hướng đô thị hóa: hình thành các đô thị hiện đại, đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị vệ tinh, vùng đô thị,...

- Đô thị hóa góp phần thúc đẩy quá trình sản xuất hàng hóa, chuyên dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, nâng cao đời sống người dân trong vùng.
- Tuy nhiên, sự tập trung đông dân cư vào các đô thị lớn gây một số khó khăn cần giải quyết như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông,...

Câu 5: Phân tích vấn đề phát triển kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng.

- Vùng có vùng biển rộng lớn, đường bờ biển kéo dài với nhiều vũng vịnh, cửa sông thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải đường biển.
- Vùng biển có nhiều cảnh đẹp => Là cơ sở để phát triển du lịch biển.
- Có nhiều hải sản thuận lợi cho khai thác; ven bờ và ven các đảo thuận lợi cho nuôi trồng hải sản. Tiềm năng về cát thủy tinh, ti-tan; Hưng Yên có tiềm năng về khí tự nhiên; một số nơi phát triển nghề làm muối,...Hình thành một số khu kinh tế ven biển.
- Phát triển kinh tế biển gây ra một số vấn đề về ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên => Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển.

Câu 6: Phân tích đặc điểm nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng.

- Số lượng: nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có khoảng 11,4 triệu người, chiếm gần 50% tổng số dân toàn vùng (2021).
- Chất lượng: có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trình độ lao động ngày càng nâng cao, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo đứng đầu cả nước.
- Phân bố: tỉ lệ lao động khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ ngày càng tăng (chiếm khoảng 86% tổng số lao động toàn vùng năm 2021). Lao động có trình độ cao tập trung ở các đô thị, nhất là Hà Nội và Hải Phòng. Nguồn lao động dồi dào và có trình độ cao là cơ sở thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế